

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HS-ST
Ngày: 28/7/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Ngô Đình Quyền.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân.
2. Ông Cai Thành Minh.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Huỳnh Đặng Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai N**, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 17/8/1993 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: thôn C cũ (nay là tổ C), phường A, tỉnh Gia Lai; số CCCD: 052093010809; ngày cấp: 02/10/2021; nơi cấp: Cục C – Bộ C1; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lái xe; con ông Mai Văn H, sinh năm: 1960 và bà Lại Thị T, sinh năm: 1968; anh, chị, em ruột: 04 người, bị cáo là con thứ 3; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị khởi tố và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” tại phường A, tỉnh Gia Lai từ ngày 04/3/2026 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1950 (chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1975, địa chỉ nơi cư trú: thôn D, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1980; địa chỉ nơi cư trú: thôn M, xã B, tỉnh Gia Lai;

3. Bà Võ Thị P, sinh năm: 1990; địa chỉ nơi cư trú: thôn D, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

4. Bà Võ Thị N1, sinh năm: 1992; địa chỉ nơi cư trú: thôn D, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bà T1, bà P và bà N1:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1980; nơi cư trú: thôn M, xã B, tỉnh Gia Lai (*theo văn bản uỷ quyền ngày 22/01/2026*) (*có mặt*).

- *Bị đơn dân sự:* Công ty Cổ phần C2.

Địa chỉ trụ sở công ty: thửa đất số 1217, tờ bản đồ số 16, KP. K, P. T, TP. ;

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phúc T2 - Giám đốc Công ty;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1982; nơi cư trú: thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk (*theo văn bản uỷ quyền ngày 27 tháng 7 năm 2026*) (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 15 phút ngày 04/01/2026, Mai N (có giấy phép lái xe hạng C, theo phiếu kết quả xét nghiệm của Trung tâm y tế P1: định lượng cồn trong máu 5,1 mg/dl (mức độ sinh học), âm tính với ma túy) điều khiển xe ô tô tải BSDK: 61C-135.92 do Công ty Cổ phần C2 Mô tô đứng tên chủ sở hữu chở mặt hàng mứt xốp từ Chi nhánh Công ty TNHH H3 thuộc Khu K đến giao hàng tại thành phố Đà Nẵng. Mai N điều khiển phương tiện nêu trên đi theo lộ trình từ Quốc lộ A qua tỉnh lộ 639 đến tỉnh lộ 632 rồi rẽ qua Quốc lộ A thuộc xã B, tỉnh Gia Lai đi theo hướng N – Bắc chở hàng đến thành phố Đà Nẵng.

Đến khoảng 04 giờ 38 phút cùng ngày, xe ô tô tải do N điều khiển lưu thông trên tỉnh lộ 632 theo hướng Đ - Tây. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai, N điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-135.92 chạy giữa tim đường (vạch màu vàng kẻ nét đứt), lấn sang phần đường bên trái khoảng 30 cm, với tốc độ khoảng 63 km/h. Lúc này, bà Nguyễn Thị H1 (không thu được mẫu máu, nước tiểu để xét nghiệm cồn, ma túy) điều khiển xe đạp lưu thông trên phần đường bên phải theo hướng ngược chiều (hướng Tây - Đ) cách xe ô tô tải biển số 61C-135.92 do N điều khiển khoảng 30 mét. Khi bà H1 điều khiển xe đạp cách xe ô tô tải biển số 61C-135.92 do N điều khiển khoảng 5 mét thì bà H1 dừng xe đạp lại. Do thiếu chú ý quan sát và đi không đúng phần đường quy định, khi phát hiện bà H1 ở khoảng cách gần, N không kịp đánh lái sang bên phải để phòng tránh tai nạn nên phần cản trước bên trái của xe ô tô tải biển số 61C-135.92 do N điều khiển va chạm với phần tay cầm lái bên trái của xe đạp do bà H1 điều khiển làm bà H1 ngã nằm trên lề cỏ của phần đường hướng Tây - Đ, còn xe đạp ngã nằm dưới gầm xe ô tô tải. Hậu quả: Bà Nguyễn Thị H1 tử vong tại hiện trường, 02 xe bị hư hỏng.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 140/KLGĐTT-KTHS ngày 02/02/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh G đã kết luận nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị H1: Chấn thương sọ não.

- Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã B, kết luận: 01 (một) xe đạp màu xanh bị hư hỏng hoàn toàn, có giá trị 2.100.000 đồng.

Hiện trường vụ tai nạn có sơ đồ hiện trường; biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm phương tiện và bản ảnh khám nghiệm phương tiện kèm theo hồ sơ vụ án.

** Về phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn:*

Sau tai nạn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tạm giữ và xử lý trả lại:

- 01 (một) xe ô tô tải biển số 61C-135.92 (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61013877, BSDK: 61C-135.92 mang tên Công ty Cổ phần C2, có giá trị đến ngày 31/12/2036; 01 (một) chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới số VA1943737, biển đăng ký 61C-135.92, có hiệu lực đến hết ngày 05/4/2026 cho người đại diện chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H2;

- 01 (một) xe đạp màu xanh (không kiểm tra chất lượng bên trong) cho đại diện chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn K;

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng C, số 660162026131 mang tên Mai N, cấp ngày 28/12/2021 có giá trị đến ngày 28/12/2026 cho Mai N.

** Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo Mai N cùng với Công ty Cổ phần C2 đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*). Người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, có đơn bãi nại, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số: 42/CT-VKSKV3, ngày 08/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai đã truy tố bị cáo Mai N về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, trong phần thủ tục tranh luận, Kiểm sát viên VKSND khu vực 3 – Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Mai N về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Mai N với mức án từ 12 (*mười hai*) đến 18 (*mười tám*) tháng tù, cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách.

Về phân trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo và Công ty Cổ phần C2 bồi thường thêm

nên đề nghị HĐXX không xét. Vật chứng liên quan đến vụ án đã được Cơ quan điều tra xử lý xong nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Tại phiên tòa, trong phần thủ tục tranh luận, người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn K trình bày ý kiến tranh luận, thể hiện sự thông cảm, vị tha cho lỗi lầm mà bị cáo đã gây ra. Ông K đề nghị HĐXX cân nhắc quyết định mức hình phạt đối với bị cáo thấp hơn mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị trong nội dung lời luận tội; đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt tù có điều kiện để bị cáo có cơ hội được tiếp tục làm việc tại doanh nghiệp, có điều kiện giúp đỡ gia đình.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự không trình bày ý kiến tranh luận, chỉ mong muốn HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Trong phần thủ tục tranh luận, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận với Kiểm sát viên và không trình bày lời tự bào chữa. Thực hiện quyền nói lời sau cùng, bị cáo mong muốn HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng:

Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Bị cáo Mai N và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng. Vì vậy, HĐXX có đủ căn cứ để kết luận, trong các giai đoạn tố tụng này, hành vi của những người tiến hành tố tụng và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo; các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tuân thủ chặt chẽ.

[2] Xét nội dung vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Mai N đã khai nhận toàn bộ diễn biến của vụ án và hành vi của mình đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được như: sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 04/01/2026, các biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông lập ngày 24/01/2026 (có bản ảnh hiện trường kèm theo); Biên bản khám nghiệm tử thi lập ngày 04/01/2026 (kèm theo bản ảnh), Bản kết luận giám định tử thi số 140/KLGĐTT-KTHS ngày 02/02/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh G và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 01/6/2025, bị cáo Mai N (có giấy phép lái xe hạng C theo quy định và có giá trị đến ngày 28/12/2026) ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H3 (có cùng chủ đầu tư và là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần C2), làm việc tại bộ phận lái xe; thời hạn của hợp đồng lao động 12 tháng tính từ ngày 01/6/2025. Khoảng 03 giờ 15 phút ngày 04/01/2026, N điều khiển xe ô tô tải biển số 61C-135.92 chuyên chở mặt hàng mút xốp từ Chi nhánh Công ty TNHH H3 thuộc khu K, phường Q, tỉnh Gia Lai đến giao hàng tại thành phố Đà Nẵng. Xe ô tô tải do N điều khiển tham gia giao thông theo lộ trình từ Quốc lộ A qua tỉnh lộ 639 đến tỉnh lộ 632 rồi rẽ qua Quốc lộ A thuộc xã B, tỉnh Gia Lai đi theo hướng N – Bắc chở hàng đến thành phố Đà Nẵng. Đến khoảng 04 giờ 38 phút cùng ngày, N điều khiển phương tiện nêu trên lưu thông trên tỉnh lộ 632 theo hướng Đ - Tây. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai, N điều khiển xe chạy với tốc độ khoảng 63km/h, lấn sang phần đường bên trái dành cho các phương tiện tham gia giao thông ngược chiều, cách tìm đường được sơn màu vàng đứt quãng khoảng 30cm. Lúc này, bà Nguyễn Thị H1 điều khiển xe đạp lưu thông trên phần đường bên phải theo hướng ngược chiều (hướng Tây - Đ) cách xe ô tô tải biển số 61C-135.92 do N điều khiển khoảng 30 mét. Khi bà H1 điều khiển xe đạp cách xe ô tô tải biển số 61C-135.92 do N điều khiển khoảng 5 mét thì bà H1 dừng xe đạp lại, đứng giữa đường. Do thiếu chú ý quan sát và đi không đúng phần đường quy định nên khi phát hiện bà H1 ở khoảng cách gần, N không kịp xử lý đánh lái sang bên phải để phòng tránh tai nạn, dẫn đến hậu quả phần cản trước bên trái của xe ô tô tải biển số 61C-135.92 do N điều khiển va chạm với phần tay cầm lái bên trái của xe đạp do bà H1 điều khiển; xe đạp bị cuốn vào gầm xe ô tô tải, hư hỏng hoàn toàn; còn bà H1 bị tung hất vào lề đường bên trái dẫn đến chấn thương sọ não, tử vong tại chỗ.

[3] Xét nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông, gây ra hậu quả làm cho bà H1 chết lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo Mai N. Bị cáo điều khiển xe ô tô tải BSDK: 61C-135.92 tham gia giao thông trong điều kiện trời tối, thời tiết âm u, hạn chế tầm nhìn trên đoạn đường không có điện chiếu sáng, nhưng bị cáo đã không tuân thủ các quy tắc tham gia giao thông đường bộ, thiếu tập trung chú ý quan sát, đi không đúng phần đường quy định là nguyên nhân chính dẫn đến vụ tai nạn nghiêm trọng nêu trên. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đủ yếu tố cấu thành tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của BLHS. Vì vậy, Cáo trạng số 42/CT-VKSKV3, ngày 08/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai truy tố bị cáo với tội danh, khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự, an toàn trong lĩnh vực giao thông đường bộ, gây ra hậu quả làm 01 người chết, ảnh hưởng xấu đến tình hình chung tại địa phương. Do đó, HĐXX xét thấy cần phải xử lý nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét đặc điểm nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

[4.1] Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS. Trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về diễn biến vụ án và hành vi phạm tội; tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Nhận thức được lỗi lầm của mình, sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã phối hợp với chủ phương tiện tự nguyện bồi thường, nhanh chóng khắc phục một phần hậu quả thiệt hại với số tiền 120.000.000 đồng; đồng thời, bị cáo thường xuyên đến thăm viếng, sẻ chia sự mất mát với gia đình người bị hại. Trong các giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn K - người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời, đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt tù có điều kiện để bị cáo có cơ hội tự cải tạo, sửa chữa lỗi lầm. Trên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS để HĐXX cân nhắc khi lượng hình, quyết định mức hình phạt có lý, có tình, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo tốt trong quá trình chấp hành án.

Xét bị cáo có lý lịch nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù có điều kiện quy định tại Điều 65 của BLHS vẫn đủ tác dụng giáo dục, răn đe, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo cùng với Công ty Cổ phần C2 Mô tô tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại tổng cộng 120.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả thiệt hại. Người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo và chủ phương tiện bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5.2] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tạm giữ và đã xử lý vật chứng liên quan đến vụ án xong nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS - 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV, bị cáo Mai N phải chịu án phí HSST.

[7] Tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai N phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mai N **15 (mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 28/7/2026.

Giao bị cáo Mai N cho Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Gia Lai phối hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú phải thực hiện theo quy định tại 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

3. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại là ông Nguyễn Văn K không yêu cầu bồi thường thêm nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3.2. Về xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Mai N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GD KTr, TTr & THA
TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ – CA T. Gia Lai;
- VP Cơ quan CSĐT CA T. Gia Lai;
- Phòng THA DS khu vực 3 - Gia Lai;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Quyền

